

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016
và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016**

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 của tỉnh trong điều kiện kinh tế - xã hội trong nước vẫn còn những khó khăn, những tác động do thiên tai,...; kinh tế tăng trưởng chậm, chưa thật sự ổn định. Trong tỉnh, những diễn biến của khô hạn, xâm nhập mặn đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là sản xuất nông nghiệp. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các ngành, địa phương chủ động triển khai thực hiện các giải pháp phòng chống, ứng phó với hạn, mặn xâm nhập; chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; tập trung triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội, phát triển doanh nghiệp, về đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công,...; đồng thời, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ của các bộ, ngành trung ương, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh nên kinh tế - xã hội trong năm 2016 đạt được những kết quả như sau:

Ước kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2016.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Ước thực hiện năm 2016
I	Các chỉ tiêu về kinh tế		
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng (%)	7,2	5,2
2	Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản tăng (%)	2,5	- 2,85
3	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng (%)	12,5	11,17
4	Giá trị các ngành dịch vụ tăng (%)	7,8	7,4
5	GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành (triệu đồng/người)	42,2	41,06
6	Cơ cấu kinh tế (%)		
	+ Khu vực I	31,84	30,89
	+ Khu vực II	23,52	23,49
	+ Khu vực III	44,64	45,62
7	Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	280	330

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Ước thực hiện năm 2016
8	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (tỷ đồng)	13.500	11.049
9	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (tỷ đồng)	5.080	5.623
10	Tổng chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)	6.317	6.733
11	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt (%)	71	71
II	Các chỉ tiêu phát triển xã hội		
12	Tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật (%)	60	60
13	Tạo thêm việc làm mới cho lao động (người)	19.000	22.500
14	Cơ cấu lao động:		
	+ Lao động nông, lâm, thủy sản (%)	47	47
	+ Lao động phi nông nghiệp (%)	53	53
15	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định ở mức (%)	0,8 - 1	0,9
16	Giảm số hộ nghèo (%)	1	1
17	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới (%)	13,5	13,5
18	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (%)	73	73
19	Phát triển nhà ở xã hội từ vốn ngoài ngân sách nhà nước (căn)	300	306
III	Các chỉ tiêu về môi trường		
20	Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (%)	100	100
21	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt (%)		
	+ Khu vực đô thị	88	88
	+ Khu vực nông thôn	50	55
22	Tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý chất thải (%)	100	100
23	Chất thải, nước thải các cơ sở y tế được thu gom và xử lý (%)	100	100
24	Tỷ lệ hộ đô thị sử dụng nước từ hệ thống nước máy tập trung (%)	98	98
25	Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước sạch từ HTCN tập trung (%)	65	66
26	Tiêu chí nông thôn mới: - Số xã đạt NTM ở mỗi huyện, thị xã	Ít nhất 01 xã	02

1. Về ổn định kinh tế và kiểm soát lạm phát

1.1. Giá cả lạm phát

Giá cả một số hàng hoá, dịch vụ trong các tháng đầu năm 2016 có mức tăng nhẹ, trong đó giá cả nhiều loại nông sản như rau, quả, trái cây tươi tăng cao do ảnh hưởng của hạn và xâm nhập mặn đến nguồn cung trong vùng; song song đó, học phí, viện phí tăng khá cao cùng với giá xăng dầu, giá gas tiếp tục được điều chỉnh tăng trong đầu quý IV với biên độ khá đã góp phần làm tăng CPI của tỉnh. Tuy nhiên, nhờ tập trung

thực hiện tốt các giải pháp bình ổn thị trường, kiểm soát giá cả, khắc phục hạn mặn... đã góp phần làm ổn định giá cả hàng hoá trên thị trường.

Sau 9 tháng (tháng 9/2016 so với tháng 12/2015) CPI tăng 2,78%, cao hơn tốc độ tăng CPI cùng kỳ 2,69 điểm phần trăm; bình quân 9 tháng năm 2016, CPI chung tăng 2,01% so với cùng kỳ, cao hơn 2,04 điểm phần trăm so với số liệu tương ứng của năm 2015. Trong đó, dịch vụ khám sức khỏe tăng 21,71%; dịch vụ giáo dục tăng 6,6%; điện và dịch vụ điện tăng 4,08%; lương thực tăng 3,77%; ăn uống ngoài gia đình tăng 2,92%; dịch vụ giải trí tăng 2,88%; thực phẩm tăng 2,61%; dịch vụ trong gia đình tăng 2,46%; thuốc hút tăng 2,38%; lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 2,33%; rượu bia tăng 2,06%; du lịch trọn gói tăng 1,56%; ... Giá một số hàng hóa, dịch vụ trong các tháng cuối năm có xu hướng tăng nên dự báo CPI cả năm 2016 tăng trên 2%.

1.2. Thu, chi ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh (kể cả các nguồn thu phản ánh qua ngân sách nhà nước), ước thực hiện cả năm là 5.623 tỷ đồng, đạt 110,69% dự toán năm và tăng 16,64% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa đạt 3.271 tỷ đồng, đạt 109,18% dự toán năm; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 1.170 tỷ đồng, đạt 100% dự toán năm, bằng 86,52% so với cùng kỳ; thu từ nguồn xổ số kiến thiết là 1.182 tỷ đồng, đạt 131,34% dự toán năm¹. Tổng chi ngân sách địa phương ước thực cả năm 2016 là 6.733 tỷ đồng, đạt 106,58% dự toán năm, trong đó tổng chi cân đối ngân sách địa phương 5.783 tỷ đồng, đạt 107,74% dự toán Hội đồng nhân dân (HĐND) giao (tương đương cùng kỳ năm 2015)² và chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết ước 900 tỷ đồng, đạt 100% dự toán HĐND giao (tăng 1,33% so với cùng kỳ năm 2015).

Nhìn chung, dù kinh tế của tỉnh chưa phục hồi, tình trạng hạn mặn xảy ra trên làm ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2016 nhưng với sự nỗ lực và quan tâm chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành nên công tác thu - chi ngân sách đã đạt được các mục tiêu đề ra, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi ngân sách của tỉnh theo dự toán và tiến độ chi, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo hoạt động ổn định của bộ máy Nhà nước, đảm bảo an ninh quốc phòng, an sinh xã hội trên địa bàn.

1.3. Tín dụng ngân hàng

Ngành ngân hàng tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các văn bản của Chính phủ và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chỉ đạo, điều hành liên quan đến lĩnh vực tiền tệ, hoạt động tín dụng và ngoại hối nhằm ổn định kinh tế; bảo đảm sự an toàn và hiệu quả hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, các hệ thống thanh toán. Trong đó, tiếp tục tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên và tổ chức chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp nhằm tăng cường đối thoại, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Lãi suất huy động và cho vay năm 2016 ổn định, ít biến động; lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên phổ biến từ 6 - 7%/năm; lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh các lĩnh vực không thuộc đối tượng ưu tiên phổ biến ở mức:

¹ Ngoài thu xổ số kiến thiết, nhiều nguồn thu so với dự toán năm đạt khá cao như: Thu tiền sử dụng đất đạt 315,11%; thu lệ phí trước bạ đạt 120,69%; thu tiền thuê đất đạt 115,12%; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 115,24% dự toán năm, thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 100,3% dự toán năm, thuế thu nhập cá nhân đạt 105,66%,... Tuy nhiên, một số nguồn thu đạt tiến độ thấp so với dự toán năm như: thu từ doanh nghiệp FDI đạt 87,76%; thu phí, lệ phí chi đạt 82,14%; thu thuế bảo vệ môi trường đạt 84,38%.

² Trong đó, chi đầu tư phát triển 1.529 tỷ đồng, chi thường xuyên 4.223 tỷ đồng. Chi thường xuyên vượt dự toán, đạt 113,25 dự toán năm, trong đó chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 104,07%; sự nghiệp khoa học công nghệ 100,44%, sự nghiệp môi trường 100,08%; khoản chi thường xuyên khác 121,41%.

cho vay ngắn hạn từ 7 - 10%/năm, trung dài hạn từ 9 - 11%/năm đối với khối ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước; đối với khối ngân hàng thương mại cổ phần cao hơn 1% ở các mức tương ứng. Ước huy động vốn đến 31/12/2016 đạt 26.350 tỷ đồng, tăng 22% so với đầu năm; dư nợ cho vay đạt 18.500 tỷ đồng, tăng 1.984 tỷ đồng hay 12% so với đầu năm³.

Số dư nợ xấu đến 07/10/2016 là 407 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,36%/tổng dư nợ, tăng 0,66 điểm % so với đầu năm. Ước nợ xấu đến cuối năm 2016 là 470 tỷ đồng, chiếm 2,5%/tổng dư nợ, tỷ lệ nợ xấu tăng 0,8 điểm % so với đầu năm.

1.4. Về đầu tư phát triển

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2016 ước đạt 11.049 tỷ đồng, tăng 1,68% so với năm 2015 và đạt 81,8% kế hoạch năm, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 1.793 tỷ đồng, giảm 31,76%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 8.644 tỷ đồng, tăng 14,07%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 610 tỷ đồng, giảm 7,39%.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016 là 2.312,122 tỷ đồng (đến 15/10/2016 - theo nội dung điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016 được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương). Mặc dù có sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn ngay từ trước năm kế hoạch và những tháng đầu năm nhưng do lãnh đạo một số sở ngành tỉnh, UBND các huyện thiếu quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc trong triển khai tổ chức thực hiện; lúng túng, chưa nắm rõ quy trình, thủ tục đầu tư công... nên kết quả thực hiện và giải ngân đạt được rất thấp. Đến 15/10/2016, thực hiện 1.594,192 tỷ đồng, đạt 68,95% kế hoạch; giải ngân 1.361,986 tỷ đồng, đạt 58,91% kế hoạch⁴.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh và sự nỗ lực, phối hợp của các cấp, các ngành trong tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thi công và quyết toán, tất toán các công trình, dự ước cuối năm 2016 thực hiện đạt 98% và giải ngân đạt 95% kế hoạch.

2. Về thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế

2.1. Về tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2016 ước đạt 31.698 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), tăng 5,2% so với cùng kỳ và không đạt kế hoạch đề ra (kế hoạch 2016 tăng 7,2%); trong đó, giá trị tăng thêm khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản đạt 9.055,6 tỷ đồng (giảm 3,09%); khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 7.246,5 tỷ đồng (tăng 12,03%) và khu vực dịch vụ đạt 13.806 tỷ đồng (tăng 7,4%)⁵.

Trong cơ cấu tổng giá trị tăng thêm theo giá hiện hành năm 2016, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản (khu vực I) chiếm 30,89%, khu vực công nghiệp - xây dựng (khu vực II) chiếm 23,49 và khu vực dịch vụ (khu vực 3) là 45,62%. So với năm 2015, tỷ trọng khu vực I giảm 2,16%, khu vực II tăng 1,3%, khu vực III tăng 0,86%.

2.2. Sản xuất nông nghiệp, thủy sản; phát triển nông thôn

a) Về nông nghiệp

Cây lúa: Sản xuất nông nghiệp trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng hạn mặn, tổng diện tích lúa gieo trồng 3 vụ đạt 176.429 ha giảm 4.007 ha so với

³ Huy động cuối tháng 9 đạt 25.300 tỷ đồng, tăng 3.705 tỷ đồng hay 17,16% so với đầu năm; dư nợ đạt 17.400 tỷ đồng, tăng 884 tỷ đồng hay 5,35% so với đầu năm.

⁴ Đến ngày 20/10/2016, còn 12 công trình chưa khởi công.

⁵ Theo Kế hoạch 2016, giá trị tăng thêm các khu vực I, II, III lần lượt là: 3,00%, 12,00% và 7,8%.

năm trước⁶; đồng thời, năng suất và sản lượng lúa giảm mạnh, trong đó năng suất đạt trung bình 5,36 tấn/ha (giảm 11,65%), sản lượng đạt 945,8 nghìn tấn (giảm 13,6%, đạt 93,6% kế hoạch), đặc biệt năng suất vụ Hè Thu đạt thấp với 4,57 tấn/ha (giảm 22,19% so với cùng vụ năm trước).

Cây màu: Diện tích gieo trồng cây màu cả năm 2016 ước đạt 46.369 ha, giảm 0,7% hay giảm 327 ha so với năm trước⁷; sản lượng ước đạt 902.864 tấn, giảm 19.760 tấn (giảm 2,1%, đạt 94,8% kế hoạch); năng suất đạt 19,5 tấn/ha, giảm 0,25 tấn/ha. Tuy nhiên, giá khoai lang ổn định ở mức cao (kể từ tháng 9/2015 đến nay) và việc người dân chuyển đổi cây trồng để thích ứng với hạn và xâm nhập mặn nên diện tích gieo trồng màu vụ hè thu hồi phục và tăng khá so với cùng vụ năm trước (tăng 12,64% hay tăng 515 ha).

Cây lâu năm: Ước đến cuối năm 2016, toàn tỉnh có 52.530 ha cây lâu năm tăng 2.012 ha tăng 3,98% so với năm 2015, trong có 43.060 ha cho sản phẩm với sản lượng ước đạt 527.000 tấn, tăng 5.037 tấn. Một số loại cây ăn quả đặc sản cho hiệu quả kinh tế cao đã khuyến khích phong trào chuyển đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái; đồng thời, nông dân tiếp tục chuyển đổi cây trồng mới trên diện tích nhãn da bò bị chổi rồng không thể đầu tư phục hồi, qua đó góp phần nâng diện tích cây ăn trái đạt 43.707 ha, tăng 4,77%; sản lượng ước đạt 412.000 tấn, tăng 4.639 tấn so với cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi: Ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển, dịch bệnh được kiểm soát, giá bán ổn định và đảm bảo cho người chăn nuôi có lãi nên số lượng đàn gia súc, gia cầm đều tăng. Ước cả năm 2016, đàn gia súc đạt 451,745 nghìn con, tăng 4,7% so cùng kỳ năm 2015 và đạt 104,3% kế hoạch, trong đó, đàn heo đạt 378 nghìn con, tăng 5,5%; đàn bò 73,48 nghìn con, tăng 0,9%; đàn gia cầm đạt 8,665 triệu con, tăng 14% so với cùng thời điểm năm 2015.

Thủy sản: Do thị trường tiêu thụ, xuất khẩu bị thu hẹp, giá thu mua cá tra nguyên liệu thấp, người nuôi hòa vốn hoặc lỗ nên diện tích thả nuôi cá tra thâm canh giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2015 (diện tích thả nuôi 262,1 ha, giảm 33,3 ha), sản lượng ước đạt 77.000 tấn, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, nghề nuôi cá lồng, bè lại phát triển mạnh do tiêu thụ thuận lợi, giá thu mua ổn định và người nuôi có lãi; sản lượng cả năm ước đạt 12.368 tấn, tăng 37,7% so với cùng kỳ⁸. Ước tổng diện tích thủy sản trên địa bàn năm 2016 đạt 2.396 ha, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đạt 112.281 tấn, tăng 0,1% so với năm 2015, đạt 93,6% kế hoạch (sản lượng chung tăng do sản lượng nuôi từ lồng bè tăng); trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 105.816 tấn, tăng 0,12%.

Dự ước giá trị sản xuất ngành nông nghiệp - thủy sản cả năm đạt 19.179 tỷ đồng, giảm 2,85% so với năm 2015; trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 16.762 tỷ đồng, giảm 3,41%, giá trị sản xuất thủy sản đạt 2.307 tỷ đồng, tăng 1,21%.

b) Việc triển khai đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp

⁶ Đã thu hoạch dứt điểm vụ Đông Xuân và Hè Thu, trong đó vụ Đông Xuân xuống giống 61.150 ha, sản lượng 390 nghìn tấn, năng suất 6,38 tấn/ha; vụ Hè Thu xuống giống 59.339 ha, sản lượng đạt 264,4 nghìn tấn, năng suất 4,57 tấn/ha; vụ Thu Đông gieo trồng 55.939 ha, sản lượng 290,8 nghìn tấn, năng suất đạt 5,2 tấn/ha.

⁷ Diện tích màu giảm chủ yếu do diện tích gieo trồng màu đông xuân giảm mạnh (giảm 959 ha) và giảm ở các loại cây: Khoai lang, đậu tương (đậu nành), cói (lác),... Diện tích khoai lang giảm 3,94% hay giảm 446 ha so với năm trước; giá khoai lang Tím Nhật đang ở mức 670 nghìn đồng/tạ 60 kg (hơn 11.000 đồng/kg).

⁸ Toàn tỉnh hiện có 1.157 lồng bè nuôi cá, tăng 264 chiếc so với cùng kỳ năm trước; trong đó hiện đang thả nuôi 866 chiếc, tăng 173 chiếc.

Công tác tái cơ cấu được tiếp tục triển khai. Dự báo năm 2016, ngành chăn nuôi và thủy sản tiếp tục tăng trưởng⁹; trong đó nổi bật là tổng đàn heo tăng hơn 20.000 con, đàn gia cầm tăng hơn 01 triệu con so với năm 2015. Trong chăn nuôi, sản xuất quy mô lớn tiếp tục phát triển; công tác giống được đầu tư: Sind hóa đàn bò, nạc hóa đàn heo và gia cầm giống mới được triển khai. Trên lĩnh vực trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ khôi phục vùng chuyên canh cây ăn trái và phát triển vườn cây ăn trái mới đang phát huy hiệu quả; ước diện tích cây lâu năm tăng 4% so với năm 2015¹⁰. Trên lĩnh vực thủy sản, sản lượng tăng; việc chuyển đổi sản xuất sang các đối tượng khác (thủy sản đặc sản, lồng bè) đang được triển khai nhằm ổn định và phát triển sản xuất. Công tác đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm và tiêm phòng bảo vệ gia súc, gia cầm được chú trọng.

Tuy nhiên, tình trạng hạn, mặn trong những tháng đầu năm đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trong đó, lĩnh vực trồng trọt chịu nhiều thiệt hại, làm giá trị sản xuất giảm 2,85% so với 2015¹¹; sản lượng lúa đạt 88,7%, sản lượng màu đạt 94,8% so với kế hoạch của ngành¹². Việc thực hiện mục tiêu tăng diện tích màu, tăng sản lượng nuôi trồng, sản lượng cá tra không đạt kế hoạch so với Đề án Tái cơ cấu.

c) Xây dựng nông thôn mới

Việc đẩy mạnh cuộc vận động “Vĩnh Long chung sức xây dựng nông thôn mới”, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm giúp các xã sớm đạt và nâng cao chất lượng các tiêu chí, đặc biệt là tiêu chí về thu nhập, tiếp tục huy động các nguồn lực trong xã hội, lồng ghép phân bổ các nguồn vốn đầu tư đảm bảo đủ vốn thực hiện hoàn thành các tiêu chí (giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa,...)¹³. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các công trình ở một số xã, huyện rất chậm, việc thực hiện các tiêu chí khác như tiêu chí thu nhập đạt mức thấp, do đó, khả năng thực hiện hoàn thành đạt tiêu chí xã NTM đối với 8 xã theo kế hoạch là rất khó nếu không có sự nỗ lực, quyết tâm cao hơn trong chỉ đạo thực hiện. Dự kiến năm 2016, có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã còn lại đạt trong quý I và quý II năm 2017.

2.3. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Do các cấp, các ngành tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển, đẩy mạnh phối hợp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đã giúp sản xuất công nghiệp của tỉnh có những bước phát triển tích cực; trong đó, nhiều dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng sản xuất thuộc các ngành sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất giày da, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ,... đi vào hoạt động có đóng góp cho sự phát triển ngành công nghiệp tỉnh.

Một số ngành công nghiệp có mức sản xuất trong năm tăng cao so cùng kỳ năm 2015 như: cát tự nhiên các loại tăng 100,95%; thuốc lá có đầu lọc tăng 133,81%; giày dép thể thao tăng 132,13%; sản phẩm bằng vật liệu tết bện tăng 200,82%; tàu thuyền các loại tăng 146,43%. Tuy nhiên, do khó khăn về nguồn nguyên liệu hoặc khả năng

⁹ Ước tính lĩnh vực chăn nuôi tăng 2,2%; thủy sản tăng 1,21% so với năm 2015 (theo giá SS 2010).

¹⁰ KH tăng 0,67%/năm; Năm 2016: sản lượng tăng 1% (KH tăng 2,58%/năm)

¹¹ Trong đương 574 tỷ đồng – theo giá so sánh 2010.

¹² Kết quả thực hiện năm 2016: Diện tích lúa giảm 1,72% (KH giảm 2,93%/năm); năng suất lúa giảm 11,65% so với năm trước (KH tăng 1,32%/năm); sản lượng lúa giảm 2,29% (KH giảm 1,65%/năm). Diện tích trồng màu giảm 0,7% (tăng 3,41%/năm); sản lượng giảm 2,1% (KH tăng 2,88%).

¹³ Đến nay, tỉnh có 23/89 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới, số tiêu chí đạt bình quân toàn tỉnh là 14,5 tiêu chí, có 15 xã đạt 15-18 tiêu chí và 51 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, không có xã đạt dưới 10 tiêu chí.

cạnh tranh trên thị trường thấp nên một số ngành có mức sản xuất giảm mạnh như: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản giảm 29,37%; sản phẩm mây, tre, đan các loại giảm 26,66%; gạo xay xát giảm 8,72%; áo khoác dài, áo khoác không tay giảm 9,5%; thuốc kháng sinh các loại giảm 9,04%;...

Ước chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2016 tăng 11,17%, mức tăng không đạt kế hoạch năm (kế hoạch tăng 12,5%)¹⁴. Mặc dù chỉ số sản xuất công nghiệp kế hoạch năm và thấp hơn 0,9% so với năm 2015 nhưng do một số ngành sản xuất có hàm lượng giá trị gia tăng cao có mức sản xuất tăng mạnh nên tổng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp ước tăng 13,41% (thực hiện năm 2015: 12,5%), từ đó có đóng góp chung vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh¹⁵.

- Phát triển khu, cụm, tuyến công nghiệp:

Đến ngày 15/10/2016, đã tiếp xúc và làm việc với 19 nhà đầu tư, trong đó có 14 nhà đầu tư nước ngoài; cấp mới 9 Giấy chứng nhận đầu tư (trong khu công nghiệp), tăng 05 dự án so với cùng kỳ năm 2015; trong đó, có 06 dự án FDI với tổng số vốn đầu tư đăng ký 136,62 triệu USD và 03 dự án vốn đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký là 31,7 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, các khu, tuyến công nghiệp trên địa bàn đã thu hút được 44 dự án đầu tư, trong đó, với tổng vốn thực hiện/đăng ký là 1.158,63/3.656,71 tỷ đồng (đạt 31,69%) và 119,61/310,21 triệu USD (đạt 38,56%); diện tích đã triển khai/điện tích đất thuê là 94,01/197,53 ha (đạt 47,59%).

Các doanh nghiệp trong khu, tuyến công nghiệp tiếp tục hoạt động ổn định, sản xuất tăng trưởng khá. So với cùng kỳ năm 2015, giá trị sản xuất đạt 11.608,49 tỷ đồng, tăng 21,6%; xuất khẩu đạt 238,23 triệu USD, tăng 9,09%.

2.4. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2016 ước đạt 38.700 tỷ đồng, tăng 8,92% so với năm 2015, trong đó ngành thương nghiệp bán lẻ tăng 8,97%; khách sạn, nhà hàng tăng 10,11%; du lịch lữ hành tăng 18,74% và dịch vụ tăng 7,00%.

Xuất khẩu trong năm đạt kết quả khả quan hơn năm trước, ước đạt 330 triệu USD, đạt 117,85% kế hoạch năm, tăng 12,26% so với năm 2015. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, những mặt hàng như nông sản chế biến, thủ công mỹ nghệ, giày da, ... tăng mạnh và đã chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 170 triệu USD, tăng 10,66% so với năm 2015.

Hoạt động du lịch tiếp tục ổn định, ước hết năm 2016 có 980.000 lượt khách đến tham quan du lịch tại tỉnh; trong đó, khách quốc tế đạt 210.000 lượt. Doanh thu hoạt động du lịch ước đạt 230 tỷ đồng.

Ước tổng giá trị tăng thêm các ngành dịch vụ (theo giá so sánh 2010) năm 2016 đạt 13.806 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2015 (kế hoạch năm 2016 là 7,8%).

¹⁴ Trong đó, ngành khai khoáng tăng 17%; công nghiệp chế biến - chế tạo tăng 11,2%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 10,0%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 5,0%.

¹⁵ Giá trị sản xuất công nghiệp ước thực hiện cả năm đạt 24.800 tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm 2015 và đạt 99,2% kế hoạch năm.

2.5. Các hoạt động xúc tiến và hỗ trợ doanh nghiệp

Tỉnh đã tổ chức tiếp xúc , làm việc với 46 lượt nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu chính sách đầu tư, hợp tác đầu tư, trong đó có 21 lượt nhà đầu tư nước ngoài¹⁶. Kết quả, có 11 dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và 01 dự án được cấp chủ trương đầu tư với tổng số vốn đăng ký 3.074 tỷ đồng, trong đó có 08 dự án FDI với vốn đăng ký 138,17 triệu USD.

Tỉnh đã tổ chức họp mặt doanh nghiệp đầu năm và họp mặt doanh nhân năm 2016, qua đó triển khai các chương trình hành động của tỉnh, khen thưởng doanh nhân tiêu biểu và ghi nhận những kiến nghị, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và chỉ đạo cụ thể đến các cấp, các ngành phối hợp hỗ trợ cho doanh nghiệp; tổ chức Diễn đàn khởi nghiệp trải nghiệm thực tế cho sinh viên, Giao lưu doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long với doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, và tuyên dương mô hình thanh niên làm kinh tế giỏi. Bên cạnh đó, tỉnh đã thành lập Hội đồng tư vấn đầu tư thuộc nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để công tác chỉ đạo và tổ chức tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án đầu tư trên địa bàn được thống nhất và nhanh chóng, góp phần tạo nên môi trường đầu tư thông thoáng, thân thiện¹⁷.

Công tác xúc tiến đầu tư, thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt theo kế hoạch, tỉnh đã tham gia các đoàn công tác và hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước¹⁸; giới thiệu doanh nghiệp kinh doanh thủy sản đến nhóm chuyên gia thuộc Dự án hỗ trợ doanh nghiệp Việt nam xuất khẩu nông thủy sản sang thị trường Phần Lan và Bắc Âu; tổ chức cho doanh nghiệp tham gia các cuộc hội chợ thương mại trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, để củng cố và gia tăng năng lực cạnh tranh của địa phương, tỉnh đã chỉ đạo các cấp các ngành xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh thuộc lĩnh vực, địa phương; tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập trong giai đoạn tới¹⁹.

2.6. Phát triển kinh tế nhiều thành phần

Do nền kinh tế phục hồi chậm, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nên số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đến ngày 10/10/2016 tuy tăng hơn cùng kỳ 2015 nhưng chỉ đạt 212 doanh nghiệp (đạt 78,5 % kế hoạch) với tổng vốn đăng ký 961 tỷ đồng²⁰; có 31 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 03 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước; 39 doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm 30 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2015. Lũy kế đến nay, số doanh nghiệp đăng ký hoạt động là 4.228 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 19.930 tỷ đồng.

¹⁶ Bao gồm cả trong và ngoài KCN. Các nhà đầu tư FDI đến từ các nước như: Hàn Quốc (10); Nhật Bản (04); Đài Loan (02); Hoa Kỳ (02); Israel (01) Đan Mạch (01); Hồng Kông - Trung Quốc (01).

¹⁷ Trong giai đoạn 2004-2016, tỉnh cấp phép đầu tư cho 235 dự án; đã thu hồi giấy phép đầu tư 63 dự án; số dự án còn hiệu lực là 172 dự án.

¹⁸ Tổ chức đoàn công tác ký kết hợp tác chương trình phát triển kinh tế gắn với Hội nghị xúc tiến đầu tư tại tỉnh Gelderland của Vương quốc Hà Lan; Tham gia đoàn công tác XTĐT do Cục XTTM tổ chức tại Hàn Quốc; Triển lãm SUBCON tại Thái lan; Hội nghị hợp tác đầu tư, XTTM, du lịch giữa ĐBSCL với TP. Hà Nội.

¹⁹ Lớp “Giám đốc Kinh doanh” khóa 5 với 31 học viên; tổ chức các lớp học: Giám Đốc Kinh doanh khóa 5 với 22 học viên; lớp ngắn hạn “Kỹ năng sử dụng công cụ trực tuyến nhằm khai thác thông tin thị trường quốc tế” theo Dự án hỗ trợ DN VN xuất khẩu nông thủy sản sang thị trường Phần Lan và Bắc Âu giai đoạn 2014-2016 với có 70 học viên đến từ doanh nghiệp Vĩnh Long và Câu lạc bộ các Trung tâm xúc tiến ĐBSCL dự;...

²⁰ Trong đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có tỷ lệ cao nhất với 62 DN, chiếm 29,24%; tiếp theo là các doanh nghiệp trên lĩnh vực xây dựng, lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỷ lệ lần lượt là 23,11% và 20,75%.

Hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt được kết quả tích cực, có 08 dự án FDI được cấp chứng nhận đăng ký đầu tư mới, tăng 04 dự án so với cùng kỳ năm 2015; 02 dự án bổ sung vốn; tổng số vốn đăng ký của các dự án FDI được cấp mới và đăng ký bổ sung vốn là 159,17 triệu USD, tăng 10,3 lần so cùng kỳ năm 2015.

Kinh tế tập thể : Triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện , nhân rộng mô hình HTX kiểu mới ĐBSCL tại Vĩnh Long” giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn. Trong năm, có 06 HTX mới thành lập, 03 HTX giải thể, 20 HTX ngưng hoạt động; đến nay, toàn tỉnh có 107 HTX và 01 Liên hiệp HTX, 05 Quỹ tín dụng nhân dân với tổng vốn điều lệ là 261,023 tỷ đồng.

3. Về an sinh, phúc lợi xã hội; giảm nghèo và giải quyết việc làm

Công tác quản lý nhà nước về lao động, giải quyết việc làm và bảo hiểm thất nghiệp tiếp tục được quan tâm và thực hiện chặt chẽ. Đến nay (07/10/2016), tỉnh đã giải quyết việc làm mới cho 20.522 lao động, đạt 108,01% kế hoạch; trong đó xuất khẩu lao động được 623 người, đạt 103% kế hoạch; tư vấn chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho 6.573 lượt người; giải quyết cho 4.340 người hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

Tuyển sinh dạy nghề năm 2016 ước đạt 30.853 người, đạt 100% kế hoạch năm; trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn ước đạt 6.054 người²¹. Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tiếp tục được thực hiện tốt, nhận thức về học nghề của lực lượng lao động đã có những chuyển biến tích cực, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên sau sáp nhập đã đẩy nhanh tiến độ tổ chức đào tạo nghề cho nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, góp phần nâng tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật của tỉnh cuối năm 2016 ước đạt 60%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 58,74%.

Công tác chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, người có công được đảm bảo, kịp thời; ước cả năm thực hiện chi trả cho 149.204 lượt người có công, với kinh phí 193,934 tỷ đồng; vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2016 đạt 4,956 tỷ đồng; xây dựng và sửa chữa 52 căn nhà tình nghĩa với kinh phí 1,772 tỷ đồng; tổ chức lễ phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng cho 123 mẹ, tặng thưởng Huân chương độc lập cho 23 gia đình; thành lập đoàn đi thăm và tặng quà gia đình chính sách, người có công nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Thân 2016, nhân kỷ niệm 69 năm ngày Thương binh liệt sĩ với 43.500 phần quà, tổng kinh phí 11,78 tỷ đồng.

Tỉnh đã thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người nghèo và triển khai xây dựng nhiều mô hình để giúp hộ nghèo thoát nghèo bền vững²². Trong năm, đã huy động, vận động hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo đạt 190 tỷ đồng, trong đó vận động Quỹ vì người nghèo đạt 31,55 tỷ đồng, xây dựng 1.592 căn nhà cho hộ nghèo đồng bào dân tộc Khmer. Triển khai thực hiện điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020, kết quả tỉnh có 17.405 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,26%, 11.031 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 3,96%.

²¹ Trong 9 tháng đầu năm đã tuyển sinh dạy nghề cho 22.853 người; trong đó tổ chức được 229 lớp đào tạo nghề cho 5.829 lao động nông thôn; trong đó: Cao đẳng: 1.030 người; Trung cấp: 1.010 người; Sơ cấp: 5.310 người; Đào tạo dưới 3 tháng, đào tạo thường xuyên khác: 15.503 người.

²² Giải quyết vay vốn tín dụng cho 11.821 lượt hộ nghèo; hỗ trợ 2.040 phần quà cho hộ nghèo dân tộc Khmer nhân dịp Tết Chôl Chnăm Thmây từ nguồn quỹ vì người nghèo với tổng kinh phí 612 triệu đồng; Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho 45.988 người nghèo và 48.630 thẻ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo, đạt tỷ lệ 100%;...

Công tác bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới,... tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt. Tỉnh đã kịp thời chi trả trợ cấp thường xuyên cho 37.934 lượt đối tượng Bảo trợ xã hội trong đó chi trả trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng là 37.699 đối tượng; tập trung triển khai kế hoạch phòng chống đuối nước cho trẻ em và thanh, kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ đối với các doanh nghiệp trên địa bàn.

4. Về khoa học - công nghệ

Các hoạt động khoa học - công nghệ bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, hoàn thành tốt các nội dung theo kế hoạch. Các đề tài/dự án được nghiệm thu và giao trách nhiệm ứng dụng đã giúp các sở, ngành, doanh nghiệp và các địa phương tổ chức ứng dụng vào sản xuất và đời sống, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Đến nay, đã nghiệm thu 13 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (tăng 11,81% so với năm 2015)²³; công bố kết quả và giao trách nhiệm ứng dụng kết quả: 13 đề tài/dự án (so với năm 2015 tăng 14,44%)²⁴; đồng thời triển khai 07 điểm mô hình cung cấp thông tin tiến bộ khoa học và công nghệ tại 7 xã, tiếp tục thực hiện nội dung các đề tài /dự án khoa học công nghệ được phê duyệt vào sản xuất đời sống và hỗ trợ các xã nông thôn mới.

Hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá đã mang lại hiệu quả thiết thực, tạo môi trường thuận lợi trong sản xuất và nâng cao hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp. Tỉnh đã phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2016-2020 và tiếp tục phối hợp với các tổ chức tư vấn thực hiện hoạt động đào tạo, hướng dẫn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9001; ISO 22000; ISO 27000 ISO/IEC 17025, công cụ năng suất chất lượng) tại 21 doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp; hướng dẫn 49 tổ chức, cá nhân đăng ký xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ²⁵; 12 cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố tiêu chuẩn áp dụng, ghi nhãn hàng hóa theo quy định; 02 cơ sở lập thủ tục đăng ký mã số mã vạch cho sản phẩm; 02 doanh nghiệp lập thủ tục công bố hợp quy cho sản phẩm của đơn vị.

5. Về giáo dục - đào tạo

Giáo dục tiếp tục có những bước phát triển tích cực với tỷ lệ tốt nghiệp các cấp, tỷ lệ học sinh phổ thông khá, giỏi và số trường đạt chuẩn quốc gia đều tăng so với năm 2015; duy trì sĩ số đạt 99,16%; tỷ lệ học sinh phổ thông bỏ học thấp²⁶. Kết quả năm học 2015 - 2016: Bachelor học mầm non tỷ lệ bé sạch, bé chăm, bé ngoan đạt yêu cầu cao; 100% hoàn thành chương trình bậc tiểu học²⁷; tỷ lệ công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,98%; thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2016 đạt tỷ lệ tốt nghiệp

²³ Trong đó có : 08 đề tài thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, 03 đề tài thuộc lĩnh vực nông nghiệp và 02 đề tài trong lĩnh vực xã hội nhân văn.

²⁴ Gồm: 05 đề tài thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, 02 đề tài thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 03 đề tài thuộc lĩnh vực y tế và 03 đề tài trong lĩnh vực xã hội nhân văn.

²⁵ 47 đơn đăng ký nhãn hiệu trong lĩnh vực: sản xuất vật tư nông nghiệp, chế biến thực phẩm, nước đóng chai, cà phê, vàng, trang trí nội thất, mật ong; mỹ phẩm, kinh doanh nhựa,... và 02 đơn đăng ký sáng chế về công cụ nông nghiệp.

²⁶ Tiểu học 0,08%; trung học cơ sở 1,21%; trung học phổ thông 2,3%; giáo dục thường xuyên khối trung học phổ thông 6,7%.

²⁷ Bachelor học đánh giá theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT đạt 99,99% về mức độ hình thành và phát triển phẩm chất; đạt 99,93% về mức độ hình thành và phát triển năng lực.

94,69%, tăng 0,03 điểm phần trăm so với năm trước. Các hoạt động khai giảng, giảng dạy năm học mới được tổ chức triển khai đúng kế hoạch.

Công tác phổ cập giáo dục được thực hiện tốt, kết quả phổ cập xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được giữ vững²⁸. Mạng lưới trường lớp mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục được sắp xếp, đầu tư phát triển ổn định phục vụ nhu cầu học tập của học sinh, số phòng học xây dựng kiên cố toàn tỉnh đạt tỷ lệ 99,18%. Trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được đầu tư xây dựng có trọng điểm, nhất là đối với các trường cận chuẩn, trường các xã nông thôn mới; đến nay, toàn tỉnh có 169 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 37,8%, tăng 21 trường hay 4,47% so với cùng kỳ năm trước²⁹.

6. Về chăm sóc sức khỏe nhân dân

Hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm, chất lượng tiếp tục được cải thiện, đáp ứng cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Ngành y tế đã củng cố quy chế bệnh viện và quy tắc ứng xử đối với cán bộ y tế, đồng thời tăng cường hoạt động chỉ đạo tuyến, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người tham gia bảo hiểm y tế ở tất cả các tuyến. Các cơ sở y tế công lập đã khám và điều trị cho gần 2,4 triệu lượt người³⁰.

Ngành y tế đã chủ động giám sát chặt chẽ và phối hợp các cấp các ngành triển khai thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh môi trường, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; tổ chức chặt chẽ mạng lưới thông tin báo cáo dịch và công tác truyền thông phổ biến kiến thức, thông tin tình hình dịch bệnh trên các phương tiện thông tin đại chúng nên các bệnh truyền nhiễm được kiểm soát, các ổ dịch được dập tắt kịp thời. Đến nay, đã phát sinh 2.506 ca tiêu chảy, giảm 15,93%; 1.530 ca hội chứng tay chân miệng (không tăng giảm); 127 ca thủy đậu, tăng 23,3%; 141 ca quai bị, tăng 41%; 716 ca sốt xuất huyết, tăng gấp 2,3 lần so với cùng kỳ.

Các ngành chức năng đã tăng cường tuyên truyền, triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016 và đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn³¹. Tuy nhiên, đến nay đã xảy ra 05 vụ ngộ độc thực phẩm làm 29 người mắc, các ca ngộ độc được chữa trị kịp và không có trường hợp tử vong.

Trong năm 2016, tỉnh đã giải quyết hưởng chế độ BHXH cho 50.841 người³², đồng thời thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT) 363.284 triệu đồng. Chất lượng công tác giám định BHYT được nâng cao, góp phần giảm thời gian cho cả hai phía bảo hiểm xã hội và các cơ sở khám chữa bệnh trong việc thanh quyết

²⁸ Phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi đạt 107/109 xã, phường, thị trấn, đạt tỷ lệ 98,2% và 08/08 huyện, thị, thành phố đạt chuẩn, tỷ lệ 100%. Số người trong độ tuổi 15 - 25 biết chữ đạt tỷ lệ 99,48%; độ tuổi 26 - 35 đạt tỷ lệ 97,78%; độ tuổi từ 36 trở lên đạt tỷ lệ 92,53%. Có 8/8 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGDTH đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở cấp xã và cấp huyện đạt chuẩn 100%.

²⁹ Số trường đạt chuẩn hiện nay: 24/129 trường mầm non; 99/199 trường tiểu học; 38/88 trường THCS; 8/31 trường THPT.

³⁰ Trong đó, khám tại các trạm y tế chiếm 40,45%, khám bảo hiểm y tế chiếm 75,52%.

³¹ Qua kiểm tra, kiểm soát thị trường, các ngành chức năng đã phát hiện nhiều sản phẩm không đảm bảo chất lượng như: hàng đóng gói sẵn, không ghi nhãn mác đầy đủ, hạn sử dụng, hướng dẫn bảo quản chưa được rõ ràng. Đối với các hàng hóa tươi sống như gia súc, gia cầm, giết mổ chưa được đảm bảo, các mặt hàng phục vụ tiêu dùng hàng ngày còn sử dụng một số chất phụ gia không có trong danh mục hoặc cấm sử dụng.

³² Trong đó: chế độ BHXH hàng tháng 907 người; chế độ BHXH một lần 8.111 người; chế độ BHXH ngắn hạn 36.026 người; chế độ BHTN 5.797 người.

toán chi phí khám chữa bệnh và quản lý chặt chẽ quỹ BHYT³³. Ước đến 31/12/2016, toàn tỉnh có 762.878 người có thẻ BHYT còn giá trị sử dụng, độ bao phủ BHYT toàn dân đạt 73% dân số của tỉnh (tính cả đối tượng thân nhân quân đội và số người đi ngoài tỉnh)³⁴.

7. Về văn hóa - thể dục, thể thao

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật nhằm chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của tỉnh, trong nước được diễn ra đúng kế hoạch với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng. Các cuộc liên hoan, hội thi, giao lưu văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi nổi thu hút nhiều người tham gia, qua đó đã đáp ứng được nhu cầu giải trí và góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân từ đô thị đến nông thôn³⁵.

Đề án “tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt nam” được thực hiện tốt, chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới và phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị tiếp tục nâng cao. Công tác Phòng, chống bạo lực gia đình cho các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc Khmer và hỗ trợ chăm sóc đời sống văn hóa tinh thần đối với người cao tuổi tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, toàn tỉnh đã công nhận 243.913/260.117 gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 93,77%; 650/847 ấp - khóm đạt chuẩn văn hóa theo Quyết định 17/2012/QĐ-UBND, tỷ lệ 76,74%, nâng tổng số ấp - khóm văn hóa trên địa bàn tỉnh là 748/847 ấp, khóm, đạt 88,31%; 30/94 xã đạt danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, đạt tỷ lệ 31,91%; 23/89 xã được công nhận đạt chuẩn “Xã Nông thôn mới”, đạt 25,84%; 01/15 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, đạt 6,66%; 1.190/1.220 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”, đạt 97,54%.

Phong trào thể dục thể thao trong tỉnh được duy trì và phát triển tốt, thu hút ngày càng nhiều cá nhân, tổ chức, thành phần, độ tuổi,...tham gia tập luyện và thi đấu thể dục thể thao với nhiều hình thức đa dạng, ở nhiều vùng và nhiều cấp độ khác nhau. Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều giải thể thao lớn, trong đó có giải Bóng chuyền quốc tế cúp Arirang – Vĩnh Long lần thứ IV năm 2016; Bóng bàn Quốc tế Vĩnh Long năm 2016 – Cúp Phân bón miền Nam;... Thể thao thành tích cao đã đạt được nhiều thành công thông qua các giải thể thao trẻ, vô địch cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế, với 300 huy chương các loại (110 vàng, 100 bạc và 90 đồng), vượt 150% so với kế hoạch

³³ Đến nay có 128/129 cơ sở KCB thực hiện kết nối liên thông dữ liệu KCB trên cổng thông tin giám định BHYT của Ngành BHXH, đạt 99,2% số đơn vị thực hiện kết nối.

³⁴ Dự ước số đối tượng tham gia bảo hiểm đến 31/12/2016: 742.556 người, đạt 100% kế hoạch giao, trong đó: tham gia BHXH bắt buộc 76.581 người; tham gia BHXH tự nguyện 1.061 người; tham gia BHTN 68.540 người; tham gia BHYT 741.495 người. Ước số tiền thu đến 31/12/2016 là 1.458.979 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch giao, trong đó: thu BHXH bắt buộc 517.536 triệu đồng; thu BHXH tự nguyện 3.878 triệu đồng; thu BHTN 60.560 triệu đồng; thu BHYT 517.536 triệu đồng; Dự ước số nợ chiếm 1,43% số phải thu.

³⁵ Các hoạt động: Mừng Đảng, mừng Xuân Bính Thân 2016; Ngày hội Văn hóa, Thể thao đồng bào Khmer tỉnh Vĩnh Long lần thứ VII năm 2016; Lễ Giỗ Quốc tổ Hùng Vương; kỷ niệm 41 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và ngày Quốc tế Lao động 1/5; kỷ niệm 126 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 71 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9;... Tổ chức 18 chương trình văn nghệ Tiếp sức đến trường, quyên góp 468 triệu đồng gây quỹ cho học sinh nghèo hiếu học; 02 kỳ biểu diễn nghệ thuật đường phố thu hút trên 300 lượt người xem; Đoàn Ca múa nhạc phục vụ 65 buổi; Triển lãm “Tết Việt Nam”; ảnh nghệ thuật giao lưu 03 Câu lạc bộ Nhiếp ảnh Người cao tuổi Vĩnh Long - Sài Gòn - Hà Nội,.

đề ra của năm 2016 (200 huy chương); trong đó, có 26 huy chương ở các giải quốc tế (14 vàng, 08 bạc, 04 đồng)³⁶.

8. Về thông tin, truyền thông

Hoạt động thông tin truyền thông được thực hiện tốt, chủ yếu tập trung tuyên truyền việc triển khai học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và những nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khóa XII); việc tổ chức và kết quả triển khai Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các chủ trương, chính sách, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền kết quả bước đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X nhiệm kỳ 2016-2020; các chương trình hành động, Nghị quyết năm 2016 của Tỉnh ủy và các cấp ủy; các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về Xây dựng nông thôn mới;... và các hoạt động mừng các ngày lễ lớn của đất nước.

Tỉnh tiếp tục triển khai Chính quyền điện tử thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Các ứng dụng, phần mềm đã triển khai và xây dựng mới đều hoạt động ổn định³⁷; quy định về quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số trong cơ quan nhà nước được thực hiện tốt³⁸. An toàn thông tin mạng được đảm bảo, khắc phục kịp thời các điểm yếu gây mất an toàn an ninh thông tin trên cổng thông tin điện tử các đơn vị trong tỉnh. Hiện nay, 100% dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 2; 6 dịch vụ đạt mức độ 3; 112 dịch vụ mức độ 4 (tăng 01 dịch vụ so cùng kỳ năm 2015); các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 bước đầu đem lại hiệu quả trong việc rút ngắn thời gian, công khai minh bạch giải quyết thủ tục hành tại đơn vị, góp phần tích cực vào việc cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

9. Tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý tài nguyên đất được thực hiện đúng các quy định của pháp luật; thực hiện tốt các công tác như: giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, định giá đất,...; công tác Quản lý đất trồng lúa được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo việc chuyển mục đích sử dụng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 kỳ cuối (2016 - 2020) của tỉnh và cấp huyện; thực hiện cho thuê đất, giao đất cho 100 nhà đầu tư (tổ chức) thực hiện dự án, với tổng diện tích 95,55 ha; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và nhà ở gắn liền với đất trên toàn tỉnh đạt 106,68%, trong đó cấp cho tổ chức đạt 5,34%, cấp cho hộ gia đình, cá nhân đạt 101,34%.

Tỉnh tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường đặc biệt là giám sát nhà máy xử lý chất thải, việc xử lý chất thải các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; xử lý nghiêm những hành vi

³⁶ Ngoài ra, thể thao Vĩnh Long đóng góp 09HLV, 38 VĐV cho các đội tuyển trẻ, đội tuyển thể thao quốc gia; 08 trọng tài điều hành tại các giải thể thao cấp quốc gia và quốc tế. Cử 01 chuyên gia Bóng chuyền làm nhiệm vụ huấn luyện viên quốc tế tại Campuchia.

³⁷ Phần mềm quản lý văn thư và hồ sơ công việc, phần mềm báo thuế qua mạng, phần mềm thi trắc nghiệm trực tuyến phục vụ kỳ thi tuyển công chức, phần mềm quản lý chuyên ngành tài chính – kho bạc; CSDL về giấy phép lái xe, khoa học công nghệ, giao thông vận tải.

³⁸ Trong năm có thêm 4 đơn vị thực hiện chính thức việc gửi/nhận văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số trong toàn tỉnh. Đến nay toàn tỉnh hiện có 215 đơn vị được cấp chứng thư số với tổng số 935 chứng thư số (tổ chức và cá nhân); hệ thống email xxx@vinhlong.gov.vn cấp mới 153 hộp thư nâng tổng số hộp thư điện tử tỉnh là: 5.961, trong đó thường xuyên sử dụng là 87%.

vi phạm về lĩnh vực môi trường³⁹; tăng cường công tác hậu thẩm định về môi trường, quản lý chất thải nguy hại; tổ chức quan trắc môi trường nhằm theo dõi diễn biến chất lượng môi trường.

Công tác quản lý và phòng chống thiên tai tiếp tục được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo, các biện pháp phòng chống, ứng phó được triển khai thực hiện kịp thời nên đã hạn chế đến mức thấp nhất tác động, ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

10. Về quốc phòng an ninh, ổn định chính trị xã hội; cải cách hành chính; công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

10.1. Quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, ổn định, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo, tai nạn giao thông được kéo giảm đáng kể. Đến 30/9/2016, trên địa bàn đã xảy ra 1.515 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội với 690 đối tượng, tăng 58 vụ nhưng giảm 110 đối tượng so với cùng kỳ năm 2015; thiệt hại tài sản khoảng 28,734 tỷ đồng⁴⁰. Công tác phối hợp hoạt động giữa lực lượng quân sự và công an được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, qua đó đã xử lý kịp thời các tình huống, không để xảy ra bị động, bất ngờ và bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị và các ngày lễ lớn diễn ra trên địa bàn.

Hoàn thành tổ chức diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ đơn vị thành phố Vĩnh Long và huyện Bình Tân đạt yêu cầu kế hoạch đề ra. Thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng, nhất là lực lượng thường trực theo hướng tinh gọn, ưu tiên các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên; công tác tập huấn, huấn luyện, diễn tập hội thi, hội thao, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh đúng kế hoạch và đạt chất lượng cao.

10.2. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại

Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc và đúng theo các quy định của pháp luật. Chủ động giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi phát sinh, không để công dân khiếu nại vượt cấp. Đối với các vụ khiếu nại, phức tạp, tồn đọng, kéo dài, các cấp, các ngành tiếp tục tập trung phối hợp giải quyết theo kế hoạch và tăng cường tổ chức đối thoại với công dân, đặc biệt là phối hợp tổ chức tiếp công dân, đảm bảo an ninh, trật tự phục vụ Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. Tổ chức tuyển quân năm 2016 đạt 100% với 1.350 thanh niên, đảm bảo chất lượng.

Năm 2016, ngành chức năng các cấp tiếp công dân, doanh nghiệp 1.263 lượt, 1.604 lượt người, với 1.1.3 vụ việc; trong đó tiếp thường xuyên được 1.216 lượt, 1.527

³⁹ Kiểm tra đột xuất 40 lượt với 40 phương tiện khai thác cát sông, phát hiện 26 phương tiện vi phạm (bơm hút cát sông không có giấy phép; khai thác ngoài khu vực mỏ được cấp phép; hợp đồng khai thác quá thời gian quy định). Kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về đất đai, môi trường và tài nguyên nước KCN Hòa Phú và Bình Minh đối với 29 tổ chức sử dụng đất; qua kiểm tra phát hiện 02 tổ chức vi phạm (thực hiện không đúng một trong các nội dung của Bản cam kết Bảo vệ môi trường được xác nhận; không thực hiện chương trình quan trắc, giám sát nước thải theo bản cam kết bảo vệ môi trường). Tất cả các đối tượng vi phạm được xử lý theo đúng quy định.

⁴⁰ Đến 30/9/2016, tội phạm và vi phạm về trật tự xã hội đã xảy ra 722 vụ, tăng 183 vụ so với cùng kỳ năm 2015; về kinh tế phát hiện 253 vụ, tăng 29 vụ; về tham nhũng phát hiện 03 vụ, tăng 1 vụ; về lĩnh vực môi trường 145 vụ, giảm hơn 30 vụ; về ma túy 68 vụ, tăng 26 vụ; xảy ra 31 vụ tai nạn giao thông làm chết 134 người, giảm 145 vụ và chết giảm 09; 09 vụ cháy, giảm 06 vụ so với cùng kỳ năm 2015.

lượt người, với 1.058 vụ; có 17 lượt đoàn, 165 lượt người, với 17 vụ việc khiếu nại, yêu cầu đông người kéo đến UBND các cấp, trong đó kéo đến Phòng tiếp dân UBND tỉnh.

Lãnh đạo các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện lịch tiếp công dân theo đúng quy định, với 47 lượt, 45 vụ việc, với 77 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, yêu cầu, phản ánh. Trong đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp 25 lượt, 23 vụ, với 43 lượt công dân và doanh nghiệp với nội dung khiếu nại, yêu cầu, kiến nghị, phản ánh để công dân thông hiểu chấp hành.

Tổng số đơn thư nhận được là 174 đơn, giảm 226 đơn so với cùng kỳ. Trong đó, có 46 đơn thuộc thẩm quyền gồm: 37 đơn khiếu nại, 09 đơn tố cáo. Đã giải quyết được 31 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền⁽⁴¹⁾, đạt tỷ lệ 83,78%. Qua kết quả giải quyết khiếu nại, đã trả lại quyền lợi cho 09 người, với 2.677,3m² đất các loại. Đã giải quyết được 08 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền⁽⁴²⁾, đạt tỷ lệ 85,71%. Qua kết quả giải quyết tố cáo, đã xử lý hành chính 02 người.

10.3. Công tác nội vụ

a) Về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ

Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ quyền hạn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp theo quy định của luật tổ chức luật chính quyền địa phương. Đến nay, có 16 sở, ban ngành đã được UBND tỉnh quyết định quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định mới⁽⁴³⁾; đã thành lập 08 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện và tổ chức lại các cơ quan chuyên môn cấp huyện theo quy định (trừ thanh tra huyện).

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, CCVC,...được thực hiện đúng quy định. Đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 161 người; tuyển dụng 281 người; phê duyệt 31 đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021; tổ chức 28 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, an ninh quốc phòng, tiếng Khmer với 2.028 lượt cán bộ CCVC tham dự. Ngoài ra, tỉnh đã tổ chức thi nâng ngạch cho 73 lượt cán bộ CCVC và thực hiện nâng lương trước hạn cho 267 người.

b) Công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính năm 2016 đã có những bước tiến triển tích cực. Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện và củng cố, nâng cao chất lượng của mô hình một cửa liên thông hiện đại các cấp trên địa bàn⁽⁴⁴⁾; đồng thời, thực hiện nghiêm đề án tinh giản biên chế; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện quyết liệt các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh⁽⁴⁵⁾.

⁴¹ Cấp tỉnh: 14 đơn (14 vụ việc); Cấp sở: 02 đơn (02 vụ việc); Cấp huyện: 15 đơn (15 vụ việc).

⁴² Cấp sở: 03 đơn (01 vụ việc); Cấp huyện: 05 đơn (05 vụ việc).

⁴³ Còn lại 03 đơn vị đang thực hiện gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính và Sở Thông tin và Truyền thông.

⁴⁴ Tỉnh đã ban hành Đề án tổng thể tổ chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại tại UBND cấp huyện, TX, TP trên địa bàn; xây dựng quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các sở, ban ngành và cấp huyện. Hiện nay tất cả cơ quan hành chính trên địa bàn đã thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

⁴⁵ Tổ chức 02 đợt kiểm tra thực hiện công tác CCHC tại 12 đơn vị, gồm 06 sở, ngành, 02 đơn vị cấp huyện và 04 đơn vị cấp xã; Khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân về phục vụ hành chính và dịch vụ công đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước (đợt 1) tại các huyện: Tam Bình, Mang Thít, Vũng Liêm và TX Bình Minh.

Từ đầu năm đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 21 Quyết định, trong đó quyết định công bố mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung 304 TTHC⁴⁶; bãi bỏ 379 TTHC. Tất cả các TTHC sau khi được công bố đều được cập nhật kịp thời vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đề nghị công khai theo quy định. Tổng số bộ TTHC hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh là 1.676 TTHC (giảm 138 TTHC so với năm 2015); trong đó, cấp tỉnh : 1.305 TTHC; cấp huyện: 202 TTHC; cấp xã: 169 TTHC⁴⁷.

c) Công tác thi đua - khen thưởng

Hưởng ứng phong trào thi đua của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương đã tổ chức nhiều phong trào thi đua mang hiệu quả thiết thực như: Phong trào xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phong trào nông dân hiến đất xây dựng giao thông nông thôn,... Qua các phong trào thi đua đã có 1.388 tập thể, 2.774 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen với tổng kinh phí 7.144 triệu đồng⁴⁸.

10.4. Công tác đối ngoại

Công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào được thực hiện tốt. Trong đó, có 154 đoàn ra với 287 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài⁴⁹ và 222 đoàn khách nước ngoài vào với 2.134 lượt gồm các chuyên gia, sinh viên, tình nguyện viên đến thăm và làm việc với các cơ quan, ban ngành trong tỉnh.

Tỉnh tiếp tục triển khai và thực hiện tốt các thỏa thuận quốc tế, các hoạt động hợp tác do địa phương ký kết. Trong năm 2016, tỉnh đẩy mạnh hoạt động trao đổi, hợp tác với các tỉnh thuộc Lào và Campuchia⁵⁰, đồng thời tiếp tục đào tạo chuyên môn 17 học sinh tỉnh Xiêng Khoảng học chuyên ngành tại các trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; tổ chức đoàn cán bộ công chức và doanh nghiệp đi thăm, làm việc, xúc tiến đầu tư thương mại, tìm hiểu thị trường lao động tại Hàn Quốc, Liên Ban Nga, Trung Quốc, Nhật Bản và tham dự Hội chợ Thương mại Kampong Speu lần thứ 4 tại Vương quốc Campuchia. Ngoài ra, tỉnh đã tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với tỉnh, trường Đại học thuộc các quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan⁵¹ và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Qua đó, tiếp nhận hơn 40 tỷ đồng thực hiện các chương trình, dự án tài trợ hoạt động các lĩnh vực y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo, giao thông nông thôn...

⁴⁶ Trong đó, cấp tỉnh 163 TTHC; cấp huyện 52 TTHC; cấp xã 89 xã.

⁴⁷ Số TTHC còn phải thực hiện rà soát là 1.372 TTHC (cấp tỉnh: 1.142; cấp huyện: 150; cấp xã: 80). Năm 2015: số TTHC toàn tỉnh là 1.814 TTHC (Cấp tỉnh: 1.418; cấp huyện: 183; cấp xã: 213).

⁴⁸ Trong đó: khen thành tích KT-XH có 485 tập thể, 600 cá nhân; khen phong trào cho 131 tập thể, 376 cá nhân; 781 cá nhân được tặng kỷ niệm chương của tỉnh; 81 đơn vị tiêu biểu dẫn đầu cụm, khối thi đua được tặng Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh; 01 bức tượng.

⁴⁹ Trong đó, 54 đoàn (141 lượt) đi công tác, học tập kinh nghiệm và 104 đoàn (166 lượt) đi tham quan, du lịch.

⁵⁰ Tỉnh Vĩnh Long hỗ trợ chi phí xây dựng các bể chứa nước và hệ thống tưới tiêu cho tỉnh xuất khẩu với kinh phí 961.368.435 đồng.

⁵¹ Tổ chức trao đổi ngoại giao đoàn giữa thành phố Vĩnh Long và Dongducheon – Hàn Quốc; tổ chức trao đổi ngoại giao đoàn giữa hai đơn vị ký kết và đưa 50 du học sinh tỉnh Vĩnh Long sang học tại trường trường Đại học Tokuyama tỉnh Yamaguchi - Nhật Bản và Trường Đại học Tongmyong (Hàn Quốc); trao đổi phương pháp dạy và học, giao lưu văn hóa và trao đổi đội ngũ giáo viên, học sinh với Tổ chức Hỗ trợ trường chuyên nghiệp BUIL thành phố Busan; dự kiến sẽ ký kết thỏa thuận về hợp tác phát triển giữa 02 tỉnh Vĩnh Long và Gelderland - Hà Lan.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Sau Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ X và cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, cơ cấu tổ chức và nhân sự của các cấp có nhiều sự thay đổi. Tuy nhiên, các cán bộ lãnh đạo của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là các lãnh đạo đã thể hiện được tinh thần trách nhiệm, tính năng động, tiên phong, gương mẫu của mình, qua đó đã tiếp cận và nỗ lực xử lý nhanh, kịp thời, hiệu quả các vấn đề, góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CCVC, tạo được sự đồng thuận của người dân và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn.

Năm 2016 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ X và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 nên ngay từ đầu năm Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã có những chỉ đạo quyết liệt kịp thời trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, việc ứng phó, khắc phục những ảnh hưởng, thiệt hại do tác động tiêu cực của diễn biến hạn mặn, sự cố sạt lở, vỡ đê bao do triều cường, về xây dựng nông thôn mới, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư XDCB...; các cấp, các ngành đã nỗ lực xây dựng và triển khai quyết liệt các kế hoạch, chương trình hành động, đề án của từng ngành địa phương nên đã đạt được một số kết quả tích cực, trong đó các chính sách an sinh - xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; giáo dục đào tạo đạt nhiều kết quả tiến bộ; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; số vụ tai nạn giao thông được kéo giảm; văn hóa, thể dục, thể thao và xây dựng nông thôn mới được thực hiện tốt góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

2. Những hạn chế và nguyên nhân chủ yếu

Mặc dù đạt được kết quả khả quan trên nhiều lĩnh vực, nhưng riêng lĩnh vực kinh tế trong tỉnh vẫn chưa phục hồi, tốc độ tăng trưởng thấp, thiếu bền vững và bộc lộ nhiều hạn chế, đó là:

- Nền kinh tế tuy có tăng trưởng nhưng tốc độ tăng trưởng cả năm ước 2016 chỉ đạt 5,2%, thấp hơn năm 2015 và không đạt kế hoạch đề ra⁵² (kế hoạch tăng 7,2%).

- Công tác tái cơ cấu nông nghiệp đã được các ngành, các địa phương triển khai. Tuy nhiên, những kết quả đạt được còn thấp so với mục tiêu đề ra; việc lựa chọn, tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả còn hạn chế. Liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh; thị trường và giá cả tiêu thụ đối với một số sản phẩm thiếu ổn định nên ảnh hưởng đến sản xuất và thu nhập của người dân.

- Xuất khẩu được phục hồi, giá trị đạt cao so với cùng kỳ và kế hoạch nhưng chủ yếu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các mặt hàng nông sản chủ lực, hàng thủ công mỹ nghệ chiếm tỷ lệ thấp.

- Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tương đối ổn định; huy động vốn tín dụng trên địa bàn đạt khá và đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế. Tuy nhiên, khả năng hấp thụ vốn tín dụng vẫn còn thấp do kinh tế phục hồi còn chậm; lãi suất cho vay vẫn còn cao, cơ hội và môi trường kinh doanh chưa thật sự thuận lợi,... nên khả

⁵² GRDP: năm 2015 đạt 6,75%; Kế hoạch 2016 tăng 7,2%, ước thực hiện đạt 5,2% (trong đó giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,03%; dịch vụ tăng 7,4%, nông lâm nghiệp và thủy sản giảm 3,09%).

năng tiếp cận vốn của người dân, doanh nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư mới, mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhìn chung còn chậm.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp thuộc một số ngành vẫn còn nhiều khó khăn như xi măng, chế biến thủy sản, gạo xay xát,...

- Tiến độ thực hiện nhiều dự án đầu tư còn chậm, đặc biệt đến cuối tháng 9/2016 còn nhiều dự án chưa khởi công, từ đó làm cho tỷ lệ giải ngân chung đạt thấp; một số ngành, địa phương, một số chủ đầu tư đôi lúc chưa quyết liệt và chưa thật sâu sát trong lãnh đạo, điều hành các hoạt động xây dựng cơ bản; bên cạnh đó nhiều công trình, dự án chậm chuẩn bị hồ sơ thủ tục đầu tư, vướng giải phóng mặt bằng,... nên chậm khởi công, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư.

- Việc chỉ đạo thực hiện các xã điểm nông thôn mới kế hoạch năm 2016 đối với các huyện, thị xã chưa thật sự quyết liệt, khả năng thực hiện đạt thấp so với kế hoạch.

- Một số dịch bệnh trên người còn cao, một số dịch bệnh tăng so với cùng kỳ, công tác phòng chống và điều trị còn nhiều khó khăn; vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, số vụ ngộ độc thực phẩm còn xảy ra nhiều, có vụ đông người (81 người).

- Công tác tham mưu, đề xuất tổ chức thực hiện nhiệm vụ; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc tháo gỡ, giải quyết những khó khăn vướng mắc của một số ngành, địa phương, doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

- Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật trên một số lĩnh vực được kiểm chế và kéo giảm nhưng từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp, vi phạm về trật tự xã hội, kinh tế, ma túy và tình hình tội phạm trộm cắp tài sản có lúc gia tăng so với năm 2015. Những diễn biến bất thường của thời tiết, sạt lở bờ sông, v.v... còn xảy ra ở một số nơi đã ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và tài sản của nhân dân.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

1. Tình hình thế giới, trong nước

Năm 2017, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới đạt mức cao hơn năm 2016 nhờ triển vọng khả quan hơn của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, đặc biệt là các nước đang phát triển khu vực Đông Á - Thái Bình Dương. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro khi tổng số nợ trong các lĩnh vực phi tài chính của thế giới đang tiếp tục gia tăng; kinh tế toàn cầu sẽ chịu sự tác động tiêu cực đến từ các sự kiện như: nước Anh chính thức rời khỏi Liên minh Châu Âu; ngoài ra, xung đột chính trị, vũ trang, tranh chấp chủ quyền biển đảo tiếp tục diễn ra ở một số quốc gia, khu vực sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Ở trong nước, tăng trưởng kinh tế trong năm 2016 tuy bị suy giảm nhưng đang trên đà phục hồi vào những tháng cuối năm và dự kiến sẽ tăng trở lại mức 6,3% năm 2017. Chính phủ đang nỗ lực kiến tạo, triển khai các chương trình hành động, giải pháp cụ thể, thiết thực nên môi trường đầu tư kinh doanh sẽ được cải thiện; những khó

khăn, vướng mắc của doanh nghiệp sẽ từng bước được tháo gỡ, tiến đến ổn định sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh; bên cạnh đó, những tín hiệu tích cực từ Hiệp định Thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU) cùng với việc gia tăng đầu tư nội khối ASEAN sẽ thúc đẩy kinh tế trong nước tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh.

2. Tình hình trong tỉnh

Năm 2017, tỉnh tiếp tục thực hiện các mục tiêu điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, thực hiện tái cơ cấu kinh tế mà trọng tâm là tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, ngành Công thương; tập trung thực hiện các mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã; tiếp tục đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng,... sẽ là nền tảng cho kinh tế trong tỉnh duy trì mức tăng trưởng khá và ổn định.

Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh cũng chịu ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của kinh tế trong nước, nhiều ngành sản xuất dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn; cùng với đó là những thách thức, hạn chế do năng lực cạnh tranh còn thấp khi cùng với cả nước tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN và các Hiệp định thương mại tự do (FTA), Hiệp định Hợp tác xuyên Thái Bình Dương (TPP),... Ngoài ra, năm 2017, tỉnh cũng đứng trước nhiều thách thức do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, đặc biệt là tình trạng xâm nhập mặn, khô hạn, thiếu nước ngọt,... ở một số nơi được dự báo tiếp tục gây hại cho sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh.

II. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2017

1. Mục tiêu tổng quát

Ổn định kinh tế vĩ mô, huy động mọi nguồn lực xã hội, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển mạnh doanh nghiệp; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tăng trưởng kinh tế, tạo nền tảng vững chắc cho những năm tiếp theo. Tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo tốt đời sống nhân dân; phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý về tài nguyên và bảo vệ môi trường. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu

Kế hoạch thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017
	a) Các chỉ tiêu về kinh tế		
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng	%	7,0
2	Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản tăng	%	2,0
3	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng (IIP)	%	12,0
4	Giá trị các ngành dịch vụ tăng	%	7,5
5	GRDP bình quân đầu người (theo giá thực tế)	Tr. đồng	45,47

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017
6	Cơ cấu GRDP (theo giá thực tế)		
	+ Khu vực I	%	29,41
	+ Khu vực II	%	24,62
	+ Khu vực III	%	45,97
7	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	340
8	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	13.500
9	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	4.840
10	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	7.469
11	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt	%	72
	b) Các chỉ tiêu phát triển xã hội		
12	Tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật	%	63
13	Tạo thêm việc làm mới cho lao động	Người	19.000
14	Chuyển dịch cơ cấu lao động		
	+ Lao động nông, lâm, thủy sản	%	46
	+ Lao động phi nông nghiệp	%	54
15	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,8 - 1
16	Giảm số hộ nghèo	%	1
17	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới	%	13,3
18	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	77
19	Phát triển nhà ở xã hội (vốn ngoài NSNN)	Căn	200
	c) Các chỉ tiêu về môi trường		
20	Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100
21	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt - Khu vực đô thị - Khu vực nông thôn	%	88,2 55
22	Tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải	%	100
23	Chất thải, nước thải các cơ sở y tế được thu gom và xử lý	%	100
24	Tỷ lệ hộ đô thị sử dụng nước từ hệ thống nước máy tập trung	%	98,2
25	Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	70
26	Số xã đạt chuẩn NTM ở mỗi huyện, thị xã	xã	Ít nhất 01

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017
			xã

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đã đề ra, tạo chuyển biến rõ nét về tăng trưởng kinh tế trong năm 2017, từng ngành, lĩnh vực tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Phát triển kinh tế

a. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

* Về nông nghiệp

Về sản xuất: tiếp tục triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên các lĩnh vực (bao gồm những nội dung bổ sung, điều chỉnh Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp); tập trung xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực cho giai đoạn đến 2020 theo hướng phát triển chuỗi ngành hàng (dự kiến: lúa, khoai lang, bưởi năm roi, bưởi da xanh, cam sành, dứa, cá tra, điều hồng và heo).

Tổ chức lại sản xuất và áp dụng, nhân rộng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu gắn với khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; phát triển kinh tế hợp tác theo Nghị quyết số 04 của Tỉnh ủy. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, thích ứng biến đổi khí hậu, nhất là những khu vực bị ảnh hưởng của hạn-mặn; tập trung vào các loại cây ăn trái có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng xuất khẩu; phát triển các đối tượng thủy sản có tiềm năng; nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, đặt biệt là bệnh cúm gia cầm, bệnh lở mồm long móng trên gia súc, tai xanh trên heo; kiểm tra chặt chẽ số gia súc, gia cầm nhập tỉnh; kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng trái phép chất cấm trong chăn nuôi.

Triển khai các chương trình, dự án chính sách nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả sản xuất như: chính sách hỗ trợ đất lúa theo Nghị định 35/NĐ-CP, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ theo Quyết định 50/QĐ-TTg, chính sách hỗ trợ trồng ngô theo Quyết định 915/QĐ-TTg, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất theo Quyết định 62/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; thực hiện tốt các chương trình, dự án thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra phòng chống thiên tai trong mùa lũ, bão, triều cường và công tác ứng phó để kịp thời chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả cao; thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn của các công trình thủy lợi, đê bao, kịp thời gia cố, khắc phục những điểm có nguy cơ sạt lở. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phục vụ phát triển và tái cơ cấu ngành nông nghiệp, các công trình thủy lợi phục vụ ngăn lũ, bảo vệ sản xuất; các dự án khắc phục, ứng phó với những diễn biến do khô hạn, xâm nhập mặn. Thực hiện việc rà soát điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu và thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

* Về xây dựng nông thôn mới:

Tiếp tục tập trung thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là với các xã điểm hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020; quan tâm thực hiện tốt, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí không sử dụng vốn đầu tư như: Môi trường, thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, hình thức tổ chức sản xuất,... Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để thực hiện chương trình; nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng trong nhân dân và tổ chức các phong trào thi đua về Chương trình xây dựng nông thôn mới với nhiều hình thức thiết thực, phù hợp.

b. Phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp

Tiếp tục triển khai hiệu quả quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển ngành; trong đó, tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công thương, đề án tổ chức lại sản xuất ngành gạch gốm, hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ, chuyển đổi ngành nghề; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến mẫu mã hàng hoá, nâng cao chất lượng sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Tổ chức khảo sát, đối thoại, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc ngành hàng sản xuất, xuất khẩu chủ lực của tỉnh như: xi măng, phân bón, gạo, thủ công mỹ nghệ, thủy sản (về tín dụng, thuế, đất đai, liên kết sản xuất, thị trường tiêu thụ,...); hỗ trợ và tạo thuận lợi một cách tốt nhất cho các doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ nhằm bù đắp giảm sút của ngành nông nghiệp - thủy sản.

Tập trung rà soát, hướng dẫn các hợp tác xã tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác xã; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về hợp tác xã, nâng cao nhận thức, vai trò lợi ích thiết thực của mô hình hợp tác xã kiểu mới; hỗ trợ, củng cố sắp xếp lại tổ chức hoạt động đối với những hợp tác xã hoạt động yếu kém.

c. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Đa dạng hóa loại hình thương mại, dịch vụ, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, hoạt động khuyến công. Thực hiện các hoạt động kết nối giao thương, mở rộng thị trường và kênh phân phối, thúc đẩy tiêu dùng; đẩy mạnh xuất khẩu theo hướng mở rộng thị trường.

Triển khai có hiệu quả đề án phát triển thương mại điện tử; hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu; nâng cao năng lực xuất khẩu của tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016-2020; tổ chức hệ thống tiêu thụ nông - thủy sản gắn với tái cơ cấu nông nghiệp; triển khai các hoạt động tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về kiến thức hội nhập kinh tế;...nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát thị trường; thanh tra, kiểm tra lĩnh vực bán hàng đa cấp; chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng gian hàng giả; xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh hàng hóa không đảm bảo chất lượng.

Tập trung thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển du lịch; xây dựng và triển khai các đề án, dự án phát triển du lịch trên địa bàn theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó chú trọng huy động các nguồn lực đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật các khu, điểm du lịch hiện hữu; tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa; củng cố, phát triển nhà hàng, khách sạn, các trung tâm thương mại, chợ đêm; tổ chức các sự kiện, lễ hội truyền thống nhằm thu hút khách du lịch.

d. Hoạt động tài chính, tín dụng

Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước chủ động, chặt chẽ, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách; tăng cường công tác quản lý thu, rà soát xác định rõ các nguồn và các khoản tăng thu có thể khai thác được, các khoản chi ngân sách nhà nước phải được thực hiện theo dự toán được duyệt; cơ cấu lại các khoản chi ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, nâng tỷ trọng chi đầu tư trong cơ cấu chi; cân đối nguồn lực tài chính để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu và đề án, kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, công thương, ngành sản xuất gạch gốm,... của tỉnh.

Quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà n, không đề xuất ban hành các chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước khi chưa có nguồn bảo đảm. Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, hạn chế tối đa xử lý bổ sung ngoài dự toán. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp hạn chế, xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản; nợ tạm ứng ngân sách nhà n, hoàn nguồn theo kết luận của kiểm toán; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay; tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

Triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các văn bản mới có liên quan đến điều hành lãi suất, tỷ giá, đảm bảo an toàn trong hoạt động thanh toán; tăng dư nợ tín dụng phù hợp và nâng cao chất lượng tín dụng. Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp xử lý nợ xấu và kiểm soát nâng cao chất lượng tín dụng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục duy trì và kéo giảm tỷ lệ nợ xấu dưới mức 3%. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm sự an toàn, ổn định trong hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

Tập trung nguồn vốn cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, vốn cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả thuộc đối tượng ưu tiên. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách tín dụng như: cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất cho vay, miễn, giảm lãi suất tiền vay... nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, phục hồi và phát triển sản xuất.

đ. Cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp

Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực quốc gia theo Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP; chương trình khởi nghiệp của Chính phủ; các giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh.

Tập trung giải quyết các khó khăn trong việc thu hồi đất để giao cho nhà đầu tư; chủ động, đẩy mạnh đổi mới phương thức xúc tiến mời gọi đầu tư phù hợp hơn với tình hình thực tế, mời gọi đầu tư vào các khu đất đã có mặt bằng sạch và vào các khu công nghiệp, tuyến công nghiệp; đôn đốc, hỗ trợ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong các khu, tuyến công nghiệp đẩy mạnh công tác triển khai đầu tư xây dựng theo tiến độ đã cam kết để tạo năng lực mới đưa vào sản xuất kinh doanh.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư kịp thời, linh hoạt góp phần tạo môi trường đầu tư, kinh doanh tiềm năng, thông thoáng và thân thiện. Tăng cường tận dụng, mở rộng các mối quan hệ với các cá nhân, tổ chức, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam để kết nối mời gọi nhà đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, thương mại - dịch vụ và du lịch trên địa bàn, đồng thời tranh thủ mối quan hệ với các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, uy tín trong và ngoài nước để gặp gỡ, kết nối với các nhà đầu tư khác.

e. Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển

Triển khai hiệu quả các chương trình hành hành động của Tỉnh ủy về thu hút vốn đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển khu, cụm, tuyến công nghiệp giai đoạn 2016-2020; ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư (thay thế Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND), chương trình khởi nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 – 2020 tạo điều kiện tốt nhất để phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư vào tỉnh.

Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017; tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, khắc phục dàn trải, lãng phí, tư tưởng hình thức, phong trào; đồng thời xử lý dứt điểm và không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật đầu tư công.

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh theo quy hoạch chương trình, kế hoạch được phê duyệt. Từng cấp, ngành cần tiếp tục xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể, giải pháp sát hợp nhằm phát triển nhân lực của địa phương, ngành mình theo yêu cầu phát triển. Trong đó, tập trung nâng cao năng lực quản trị, trình độ chuyên môn, kỹ thuật của lực lượng lao động; đẩy mạnh nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo; mở rộng, tăng cường sự phối hợp và hợp tác trong và ngoài nước để phát triển nhân lực chất lượng cao; chuẩn bị các điều kiện, nâng cao sức cạnh tranh của lực lượng lao động địa phương khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

Tiếp tục ưu tiên đầu tư, tạo bước đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ và gắn với xây dựng phát triển nông thôn mới. Tăng cường các giải pháp huy động nguồn lực phù hợp để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị, các khu, tuyến, cụm công nghiệp và hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống cung cấp nước sạch, công trình thuộc các xã nông thôn mới phải hoàn thành trong năm 2017.

Tích cực, linh hoạt huy động thêm nguồn lực và đa dạng hóa hình thức đầu tư các công trình xây dựng cơ bản; rà soát hoàn chỉnh danh mục các dự án trên địa bàn có thể thực hiện theo hình thức Đối tác công tư (PPP) làm cơ sở đưa vào danh mục đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020; đưa ra những dự án PPP tiên phong nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký thực hiện, qua đó thu hút thêm các nguồn lực mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phát triển xã hội

a. Về an sinh xã hội và giảm nghèo, giải quyết việc làm; chính sách với người có công

Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chương trình hành động của Tỉnh ủy về giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt, đầy đủ và kịp thời các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là chính sách đối với người nghèo, chính sách trợ cấp xã hội thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng bị thiên tai,... Thực hiện chặt chẽ công tác rà soát, khảo sát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch, tránh tình trạng bỏ sót hộ nghèo; thực hiện các giải pháp đảm bảo người nghèo tiếp cận được các dịch vụ tối thiểu, tiến tới thoát nghèo bền vững.

Triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách ưu đãi đối với Người có công với cách mạng, đặc biệt là chế độ mới được ban hành về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan

thuộc Chính phủ, Bằng khen của UBND cấp tỉnh. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của các gia đình chính sách và người có công với cách mạng.

Tiếp tục phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường lao động; tăng cường các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ Việc làm; đa dạng hoá các hoạt động giao dịch việc làm; thực hiện tốt các quy định của pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tiếp tục thực hiện rà soát, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quy hoạch ngành nghề đào tạo, gắn đào tạo nghề với nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết việc làm cho người lao động; tích cực liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng; đổi mới công tác đào tạo, tạo nguồn cung ứng lao động có chuyên môn kỹ thuật cao cho thị trường lao động trong nước và xuất khẩu lao động; chú trọng giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn, thanh niên và sinh viên mới tốt nghiệp.

b. Về lĩnh vực y tế; chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc chế biến thực phẩm, sử dụng chất cấm trong trồng trọt và chăn nuôi; kiểm tra nhanh thực phẩm tươi sống, rau củ quả, thịt gia súc gia cầm tại các chợ; giám sát, xử lý các cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến, kinh doanh thức ăn, mua bán sản phẩm bẩn, không rõ nguồn gốc, không đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, hạn chế mức thấp nhất số vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Đẩy mạnh vận động, tuyên truyền các người dân, tiểu thương nâng cao ý thức tự giác chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP); đầu tư đầy đủ các trang thiết bị cần thiết đảm bảo vệ sinh ATTP khi kinh doanh; khuyến khích xây dựng các điểm bán thực phẩm đạt ATTP tại các chợ hạng III trên địa bàn, từng bước xây dựng mô hình chợ đảm bảo vệ sinh ATTP tại các huyện, thị xã, thành phố.

Chủ động trong công tác phòng chống dịch, xử lý triệt để các ổ dịch nhỏ theo đúng quy định, không để xảy ra hoặc lây lan thành dịch lớn; chuẩn bị đầy đủ cơ sở thuốc, hóa chất, trang thiết bị để sẵn sàng ứng phó khi có dịch xảy ra trên địa bàn tỉnh; củng cố đội phòng chống dịch bệnh ở các tuyến từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao ý thức phòng bệnh của cộng đồng và hộ gia đình, tự giác thực hiện tốt vệ sinh môi trường, tiêu diệt vật trung gian truyền bệnh một cách có hiệu quả và thường xuyên; định kỳ kiểm tra các trạm cấp nước cho nhân dân sinh hoạt và ăn uống, nhất là các trạm cấp nước sinh hoạt ở nông thôn.

Nâng cao chất lượng khám điều trị, chăm sóc và theo dõi bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn; trong đó chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của bệnh nhân. Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy chế chuyên môn, chăm sóc quản lý bệnh nhân tại các cơ sở điều trị. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục và thực hiện đồng bộ các giải pháp để kiểm soát tốc độ tăng dân số hợp lý, giảm mạnh chênh lệch giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe cho người cao tuổi.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền giúp nhân dân và người lao động hiểu và nâng cao nhận thức về chính sách BHXH, BHYT. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ để thuận lợi cho người tham gia, ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng công tác giám định BHYT. Tổ chức chi trả chế độ BHXH cho đối tượng thụ hưởng đảm bảo an toàn, nhanh chóng và kịp thời. Tăng cường thanh tra, kiểm tra BHXH, BHYT, bảo hiểm thất

nghiệp (BHTN) đối với các doanh nghiệp kết hợp với công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp ngoài nhà nước, đồng thời xử lý nghiêm các đơn vị vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động.

c. Về phát triển giáo dục và đào tạo

Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2016-2017; tích cực xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, bảo đảm an ninh trật tự trường học; phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh; thực hiện tốt các giải pháp đề tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống trong học sinh, sinh viên. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn giảm học phí đối với học sinh nghèo, diện chính sách; các chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Chủ động tạo mọi điều kiện cần thiết để mở rộng giao lưu, trao đổi sinh viên, giáo viên với các đối tác nước ngoài; tăng cường hợp tác đào tạo với các trường Đại học có uy tín của các nước trong khu vực.

Tiếp tục phân cấp, giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục một cách thống nhất, hiệu quả trong công tác tổ chức, quản lý tài chính, quản lý chuyên môn. Rà soát, sắp xếp lại đội cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục trên cơ sở đề án, vị trí, việc làm, trong đó đặc biệt quan tâm đến giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các ngành học, cấp học.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy, xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung để quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục. Tập trung chỉ đạo đổi mới phương pháp giảng dạy, dạy học phân hóa trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên. Đẩy mạnh công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục. Đổi mới, tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ của các cơ sở giáo dục.

d. Về phát triển khoa học và công nghệ

Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp /cơ quan hành chính /đơn vị sự nghiệp duy trì và áp dụng công cụ cải tiến/hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008,...; triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phối hợp thực hiện các đề tài /dự án thuộc chương trình /đề án quốc gia về khoa học và công nghệ tại tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ và triển khai nghiên cứu ứng dụng, xây dựng các mô hình tiên bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Phổ biến, triển khai và kiểm tra việc thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, an toàn bức xạ hạt nhân; kế hoạch thực hiện Nghị quyết Phát triển thương hiệu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả,...

Tăng cường năng lực kiểm định, đo lường và các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại địa phương; tập huấn nâng cao kiến thức về quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các văn bản quy phạm pháp luật mới về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các đơn vị có liên quan trong tỉnh; triển khai thực hiện dự án Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020.

đ. Về phát triển văn hóa, thể dục thể thao; thông tin truyền thông; đối ngoại

Tiếp tục tuyên truyền cổ động trực quan và tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 2017; nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa gắn giáo dục truyền thống và đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; triển khai thí điểm mô hình phối kết hợp hỗ trợ tổ chức hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Nông thôn; tổ chức tốt các cuộc Liên hoan, Hội diễn cấp tỉnh và tham dự cuộc Liên hoan cấp khu vực và toàn quốc.

Thực hiện tốt phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phấn đấu toàn tỉnh có 31% tỷ lệ số dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, 23% tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình luyện tập thể thao và 1.160 câu lạc bộ thể thao. Triển khai đề án phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Tổ chức thành công các giải thể thao cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc. Tập trung đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, sân bãi cho các xã nông thôn mới.

Đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới trong gia đình. Duy trì nhân rộng mô hình can thiệp Phòng, chống bạo lực gia đình, nhằm thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu của kế hoạch đề ra. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các đề án: Hỗ trợ, chăm sóc đời sống văn hóa, tinh thần người cao tuổi; Thành lập mạng lưới cộng tác viên về gia đình ở cơ sở; Phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020.

Tập trung triển khai dự án xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, trong đó chú trọng thực hiện các dự án Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành nông nghiệp; tin học hóa công tác hộ tịch; xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung của tỉnh. Triển khai thực hiện Chương trình phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng đến năm 2020; đề án số hoá truyền hình mặt đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh. Tăng cường công tác quản lý thuê bao di động trả trước, quản lý hoạt động của các đại lý Internet, điểm cung cấp trò chơi điện tử, chất lượng dịch vụ viễn thông;

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản. Duy trì hội nghị giao ban báo chí hàng tháng và họp báo hàng quý; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền biển đảo Việt Nam và tổ chức triển lãm Bản đồ và trưng bày tư liệu Hoàng Sa-Trường Sa của Việt Nam – Những bằng chứng lịch sử trên địa bàn tỉnh; quảng bá hình ảnh, địa danh, con người, tiềm năng phát triển Vĩnh Long ra cả nước và thế giới. Củng cố và phát triển mạng lưới thông tin cơ sở, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho mọi tầng lớp nhân dân tiếp cận thông tin chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tình hình trong và ngoài nước.

Tiếp tục quán triệt thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế; vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) theo chương trình xúc tiến vận động viện trợ PCPNN tỉnh Vĩnh Long; Tổ chức tốt các đoàn ra, đoàn vào, tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế thông qua kinh ngoại giao; tiếp tục thực hiện các ký kết , thỏa thuận trong nước và quốc tế; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư , thương mại, du lịch và hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và thực hiện các biện pháp nhằm duy trì chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

3. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

Tiếp tục quản lý việc khai thác tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn, đảm bảo sử dụng tài nguyên hợp lý, hiệu quả và bền vững. Tăng cường thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản đối với các tổ chức được Nhà nước cấp phép khai thác; các tổ chức được giao đất, cho thuê đất nhưng sử dụng không hết diện tích được giao hoặc không đúng mục đích.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, việc chấp hành pháp luật Tài nguyên nước, khoáng sản; kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường tại các khu, tuyến công nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh, xử lý nghiêm những doanh nghiệp vi phạm; quản lý chất thải, phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường, không để phát sinh những dự án gây ô nhiễm; kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học dùng trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho bộ máy quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống đê bao, thủy lợi nội đồng khép kín theo kế hoạch nhằm phòng tránh và hạn chế các tác động xấu thiên tai, biến đổi khí hậu; theo dõi sát sao diễn biến thời tiết, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ các địa phương, người dân bảo vệ sản xuất, ứng phó, khắc phục hậu quả do mưa lớn, lốc xoáy, sạt lở bờ sông, lũ lụt, triều cường, hạn hán, xâm nhập mặn. Triển khai kế hoạch khắc phục sự cố môi trường do hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn và các biện pháp tăng cường năng lực phòng chống thiên tai; tăng cường bảo vệ các công trình thủy lợi, các tuyến đê bao, đập, cống,...; huy động lực lượng, vật tư sửa chữa kịp thời các công trình hư hỏng.

4. Về cải cách hành chính; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục rà soát hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với thực tiễn của địa phương và quy định của Trung ương; bổ sung, điều chỉnh kịp thời các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phù hợp với yêu cầu phát triển theo từng loại ngành, từng lĩnh vực. Kiểm tra chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh; công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính bằng nhiều hình thức thích hợp; thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện quyết liệt các giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh; tiếp tục cải thiện chất lượng và hiệu quả của cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; tập trung triển khai xây dựng chính quyền điện tử theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ và đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến để thực hiện liên thông giữa các cơ quan cùng cấp hành chính và giữa các cấp hành chính, nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và giải quyết tốt công việc cho tổ chức, công dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục kiện toàn các tổ chức tư vấn (Hội đồng, Ban chỉ đạo,...) do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, đảm bảo tinh gọn, hợp lý, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương; đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải tiến chế độ làm việc, tăng cường trách nhiệm, năng lực của người đứng

đầu cơ quan hành chính và cá nhân từng cán bộ, công chức trong giải quyết công việc của tổ chức, công dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong công tác tiếp công dân; thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đối thoại với công dân; nâng cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế việc ủy quyền tiếp công dân cho cấp dưới, bộ phận tham mưu.

5. Về quốc phòng, an ninh

Chủ động trong công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch và phần tử xấu, chủ động trong mọi tình huống, không để xảy ra tình huống bất ngờ. Đẩy mạnh tấn công trấn áp các loại tội phạm, bảo vệ tuyệt đối an toàn các ngày lễ lớn, Tết Nguyên đán 2017, các sự kiện chính trị quan trọng và các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước về thăm, làm việc với địa phương. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội, nhất là công tác quản lý xuất nhập cảnh, quản lý hành chính về an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy; tăng cường quyết liệt các giải pháp về bảo đảm an toàn giao thông và đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vận tải đường bộ, đường thủy nội địa.

Lực lượng vũ trang duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp cùng công an tuần tra canh gác, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão, luyện tập thành thực các phương án chiến đấu, sẵn sàng cơ động lực lượng, phương tiện tham gia phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và các nhiệm vụ đột xuất. Chuẩn bị và thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2017; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh cho các đối tượng; xây dựng, củng cố và mở rộng lực lượng tự vệ các khu, tuyến công nghiệp trên địa bàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thực hiện đạt các mục tiêu kế hoạch 2017 đề ra, bên cạnh việc thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp nêu trên, từng ngành, từng địa phương cần phải quyết tâm hành động, năng động, sáng tạo trong điều hành và tổ chức thực hiện:

- Tập trung đánh giá đúng tình hình, đề ra những giải pháp hữu hiệu và quyết tâm thực hiện, phấn đấu đạt mức cao nhất chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, nhất là các chỉ tiêu đạt thấp như: Tăng trưởng kinh tế, giá trị sản xuất nông nghiệp, chỉ số sản xuất công nghiệp, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội,... nỗ lực phấn đấu đạt kết quả cao nhất những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Từng sở, ngành, địa phương phải đề ra được những giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong chuyển từ quản lý sang phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi nhất nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý các tập thể, cá nhân có biểu hiện những thiếu, dùn dẩy, thiếu trách nhiệm.

- Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành bằng những việc làm cụ thể, đột phá, mang lại hiệu quả thực chất; năng động, sáng tạo; thực hiện tất cả các nhiệm vụ, công việc được giao với trách nhiệm cao nhất gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, đặc biệt là các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế nêu tại các Nghị quyết Chính phủ, các chương trình hành động, kế hoạch của UBND tỉnh.

- Lãnh đạo các ngành, địa phương cần phải vào cuộc mạnh mẽ, có sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao hơn nữa đối với lĩnh vực được phân công phụ trách, kịp thời đề xuất các giải pháp giải quyết những yếu kém, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, những tồn tại, ách tắc; thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện và chịu trách nhiệm trực tiếp trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

Nơi nhận:

- Văn phòng CP I, II;
- Quân khu IX;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- TT. TU;
- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐ VP. UBND tỉnh;
- Các phòng Nghiên cứu;
- Lưu: VT, 01.02.04.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký: Nguyễn Văn Quang